

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG BỆNH VIỆN NĂM 2026

A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2025

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1.1. Thuận lợi

- Bệnh viện tiếp tục được sự quan tâm của lãnh đạo UBND tỉnh Quảng Trị, Sở Y tế, UBND phường Bắc Gianh, Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Trị và các đơn vị trên địa bàn nên có điều kiện cải tạo cơ sở vật chất; mua sắm trang thiết bị để triển khai các kỹ thuật chuyên sâu.

- Đảng Ủy, Ban Giám đốc, Ban chấp hành Công đoàn đã chỉ đạo tích cực trong việc định hướng phát triển bệnh viện cùng với sự nỗ lực, đoàn kết thống nhất của mỗi cán bộ, viên chức, người lao động trong đơn vị là điều kiện thuận lợi cơ bản để thực hiện kế hoạch năm 2025.

- Cơ cấu tổ chức đầy đủ các phòng chức năng theo quy định về cơ cấu tổ chức của bệnh viện đa khoa hạng II được quy định tại Mục 3 Phần I Quy chế bệnh viện ban hành kèm theo Quyết định 1895/1997/QĐ-BYT.

- Cán bộ viên chức, người lao động bệnh viện luôn chấp hành tốt nội quy bệnh viện, thực hiện đúng quy chế chuyên môn, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng giao tiếp ứng xử đem lại sự hài lòng cho người bệnh.

- Các khoa, phòng thực hiện đúng quy chế, chức năng nhiệm vụ của bệnh viện giao, cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm.

- Có các bác sĩ chuyên khoa sâu hầu hết các chuyên ngành. Các cán bộ có bằng cấp cao và chính quy ngày càng tăng.

1.2. Khó khăn

- Các khoa lâm sàng, cận lâm sàng chưa đầy đủ so quy định về cơ cấu tổ chức của bệnh viện đa khoa hạng II được quy định tại Mục 3 Phần I Quy chế bệnh viện ban hành kèm theo Quyết định 1895/1997/QĐ-BYT.

- Cơ sở hạ tầng tại một số khoa đã cũ, một số nơi bị xuống cấp. Trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện, hệ thống máy móc công nghệ thông tin tại các khoa, phòng chưa đủ đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng để phục vụ công tác khám, điều trị người bệnh.

- Lực lượng bác sĩ có trình độ chuyên môn sâu còn thiếu so với nhu cầu phát triển khoa học kỹ thuật, triển khai kỹ thuật.

- Ý thức tổ chức kỷ luật của một số cán bộ, viên chức và người lao động còn hạn chế, chưa đổi mới theo cơ chế hoạt động bệnh viện.

- Các chính sách về y tế thay đổi liên tục nên việc nắm bắt, triển khai thực hiện chưa kịp thời.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Thực hiện các chỉ tiêu năm 2025

1.1. Kết quả thực hiện công tác khám chữa bệnh 2025

TT	Chỉ tiêu	KH năm 2025	TH năm 2025		Năm 2024	So sánh
			Đạt	% HTKH		
1	Giường bệnh	550	459	83.5	451	+1.8%
2	Số lần khám	109,661	99,659	90.9	92,530	+8.7%
3	Người bệnh nội trú	30,827	24,157	78.4	23,299	+3.7%
	Trong đó: YHCT	2,738	2,283	83.4	1,741	+31.1%
4	Người bệnh ngoại trú	4,950	1,294	26.1	1,310	-1.2%
5	Số ngày điều trị nội trú	200,753	167,706	83.5	164,556	+1.9%
6	Công suất SDGB (%)	>95%	83.5		78.4	+5.1%
7	Số phẫu thuật	3,432	3,995	116.4	3,121	+28%
	Trong đó: Phẫu thuật KH	1,822	3,231	177.3	1,656	+95.1%
8	Số lần xét nghiệm	442,921	462,120	104.3	425,856	+8.5%
9	Số lần chụp X – Quang	48,108	41,880	87.1	43,735	-4.2%
10	Số CT – Scanner	8,437	8,494	100.7	7,670	+10.7%
11	Số lần siêu âm	47,628	42,408	89.0	42,793	-0.9%
12	Số lần điện tim	23,663	21,573	91.2	21,512	+0.3%
13	Số lần nội soi các loại	3,400	5,809	170.9	3,014	+92.7%
	Trong đó: NS TMH	2,151	4,780	222.2	1,955	+144.5%
	Nội soi tiêu hóa trên	949	805	84.8	863	-6.7%
	Nội soi đại trực tràng	200	181	90.5	182	-0.5%
	Nội soi can thiệp	100	43	43.0	20	+115%
14	Truyền máu (ml)	100,000	69,500	63.2	98,450	-29.4%
15	Tiêm VGB< 24h	>80%	1,454/ 1,487	97.8	1,699/ 1,821	+4.5%
16	Tán sỏi ngoài cơ thể		15		27	-44.4%
17	Chuyển tuyến (nội trú)		1,687		1,668	+1.1%
18	Chuyển khám (ngoại trú)		5,202		5,720	-9.1%
19	Người bệnh tử vong		5		14	-64.3%
20	Người bệnh nặng cho về		57		86	-33.7%
21	Lượt khám sức khỏe	7,874	7,161		7,158	+

1.2. Kết quả điều trị nội trú

Khoa	KHGB	KH NB	TH KHNB	Đạt (%)	KH ngày ĐT	TH ngày ĐT	TB ngày ĐT	CSSD GB (%)	NB tử vong
Ngoại TH	85	5,170	4,307	83.3	31,024	26,714	6.2	86.1	0
Phụ sản	55	3,650	2,295	62.9	20,075	15,064	6.6	75.0	0
CC,HSTC - CĐ	35	2,323	2,095	90.2	12,777	11,059	5.3	86.6	3
Nhi	65	3,954	3,327	84.1	23,724	19,178	5.8	80.8	0
Tr. nhiễm	40	2,433	1,268	52.1	14,598	8,563	6.8	58.7	0
LCK	45	2,738	2,170	79.3	16,428	14,280	6.6	86.9	0
YHCT - PHCN	75	2,738	2,283	83.4	27,380	24,472	10.7	89.4	0
Nội TH	70	3,650	3,047	83.5	25,550	23,086	7.6	90.4	1
Nội TM-LK	80	4,171	3,365	80.7	29,197	25,290	7.5	86.6	1
ĐV ĐTTYC	11					3,002			
Cộng 2025	550	30,827	24,157	78.4	200,753	167,706	6.9	83.5	5
Năm 2024	575	32,774	23,299	71.1	209,878	164,556	7.1	78.4	14
So sánh 2024	-4.3%	-5.9%	+3.7%	+7.3%	-4.3%	+1.9%	-	+5.1%	-

1.3. Kết quả phẫu thuật

TT	Khoa	Tổng số phẫu thuật				Phẫu thuật kế hoạch			
		KH 2025	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Đạt (%)	KH 2025	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Đạt (%)
1	Ngoại TH	1,789	1,543	38.6	86.2	1,141	1,196	37.0	104.8
2	Phụ sản	1,210	887	22.2	73.3	259	494	15.3	190.7
3	LCK	433	1,565	39.2	361.7	422	1,541	47.7	365.2
	Tổng	3,432	3,995	100	116	1,822	3,231	100	177.3

➤ **Khoa ngoại tổng hợp: 1,543 (86.2%)**

TT	Phẫu thuật	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	555	36.0
2	Phẫu thuật xử lý vết thương, nối gân	209	13.5
3	Phẫu thuật bóc U	176	11.4
4	Phẫu thuật kết hợp xương trên màn hình tăng sáng	127	8.2
5	Tháo phương tiện kết hợp xương	118	7.6
6	Phẫu thuật tán sỏi	86	5.6
7	Phẫu thuật kết hợp xương khác	53	3.4
8	Phẫu thuật nối gân, gỡ dính gân	50	3.2
9	Phẫu thuật chuyển vạt da	48	3.1
10	Phẫu thuật cắt trĩ	21	1.4

➤ **Khoa Phụ sản: 887(73.3%)**

TT	Phẫu thuật	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	477	53.8
2	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	282	31.8
3	Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa	45	5.1
4	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung	26	2.9

➤ **Khoa Liên chuyên khoa: 1,565(361.7%)**

TT	Phẫu thuật	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Nhổ răng vĩnh viễn	512	32.7
2	Điều trị tủy răng	261	16.7
3	Phẫu thuật cắt Amidan	126	8.1
4	Phẫu thuật xử lý vết thương	124	7.9
5	Phẫu thuật nạo VA nội soi	88	5.6
6	Phẫu thuật bóc U phần mềm	56	3.6
7	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi	54	3.5
8	Phẫu thuật nội soi mở các xoang	51	3.3
9	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi	50	3.2
10	Phẫu thuật mộng thịt	48	3.1

1.4. Điều trị nội trú các khoa

➤ **Khoa Ngoại TH: 4,307(83.3%)**

TT	Bệnh chính lúc ra	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Gãy xương các loại	757	17.6
2	Viêm ruột thừa	596	13.8
3	Vết thương phần mềm	492	11.4
4	Sỏi thận, sỏi niệu quản	328	7.6
5	Viêm dạ dày ruột	292	6.8
6	Chấn động não, chấn thương sọ não	262	6.1
7	U lành phần mềm	181	4.2
8	Nhiễm trùng da, nhiễm trùng vết thương	159	3.7
9	Biến chứng cơ học của thiết bị cố định bên trong xương các chi	123	2.9
10	Sự có mặt các dụng cụ cấy ghép tiết niệu sinh dục	86	2.0

➤ **Khoa Phụ sản: 2,295(62.9%)**

TT	Bệnh chính lúc ra	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Chuyển dạ nhanh	916	39.9
2	Chăm sóc bà mẹ vì tử cung có sẹo mổ trước đó	490	21.4
3	Đọa sảy thai, sảy thai	202	8.8
4	Chăm sóc bà mẹ vì thai chết lưu trong tử cung	105	4.6
5	Các tình trạng xác định khác liên quan đến thai nghén	45	2.0
6	Sản giật, tiền sản giật	50	2.2
7	Viêm tử cung, phần phụ	47	2.0
8	Các rối loạn xác định khác của nước ối và màng ối	69	3.0
9	U nang buồng trứng	39	1.7

➤ **Khoa CC, HSTC-CD: 2,095(90.2%)**

TT	Bệnh chính lúc ra	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Nhồi máu não	513	24.5
2	Viêm phổi	259	12.4
3	Nhiễm nọc độc rắn, công trùng	130	6.2
4	Xuất huyết não	123	5.9
5	Cơn đau thắt ngực	117	5.6
6	Xuất huyết tiêu hóa	84	4.0
7	Chấn thương sọ não	68	3.2
8	Viêm dạ dày ruột	63	3.0
9	Dị ứng	51	2.4
10	Shock nhiễm khuẩn	48	2.3

➤ **Khoa Nhi: 3,327(84.1%)**

TT	Bệnh chính lúc ra	Số lượng	Tỷ lệ(%)
1	Viêm phổi	799	24.0
2	Nhiễm trùng đường hô hấp trên	525	15.8
3	Nhiễm trùng đường ruột	505	15.2
4	Vàng da sơ sinh	248	7.5
5	Suy hô hấp cấp	191	5.7
6	Sởi	183	5.5
7	Co giật do sốt	178	5.4
8	Viêm dạ dày ruột	178	5.4
9	Sốt xuất huyết	49	1.5

➤ **Khoa Truyền nhiễm: 1,268(52.1%)**

TT	Bệnh chính lúc ra	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Sốt virus	266	20.98
2	Viêm dạ dày – ruột	245	19.32
3	Viêm phổi, viêm phế quản	170	13.407
4	Sốt xuất huyết	129	10.174
5	Viêm da dị ứng tiếp xúc	124	9.7792
6	Bệnh Zoster	78	6.1514
7	Sởi	74	5.836
8	Thủy đậu	30	2.3659

➤ **Khoa Liên chuyên khoa: 2,170(79.3%)**

TT	Bệnh chính lúc ra	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Vết thương	277	12.8
2	Viêm họng - thanh quản cấp	246	11.3
3	Viêm giác mạc	213	9.8
4	Viêm xoang	195	9.0
5	Viêm amydan	194	8.9
6	Viêm mô tế bào và áp xe của miệng	162	7.5
7	Viêm tai giữa	146	6.7
8	Chấn thương vùng mặt	65	3.0
9	Mộng thịt	57	2.6
10	Áp xe da, nhọt và cụm nhọt ở mặt	55	2.5

➤ **Khoa YDCT-PHCN: 2,283(83.4%)**

TT	Bệnh chính lúc ra	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Tọa cốt phong	614	26.9
2	Chứng tý	531	23.3
3	Lạc chẩm	251	11.0
4	Yêu thống	206	9.0
5	Kiên tý	196	8.6
6	Hạc tất phong	158	6.9
7	Kiên thống	94	4.1
8	Chứng nuy	57	2.5
9	Bán thân bất toại	51	2.2
10	Khẩu nhãn oa tà	40	1.8

➤ **Khoa Nội TH: 3,047(83.5%)**

TT	Bệnh chính lúc ra	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Chóng mặt nguồn gốc trung ương	473	15.5
2	Viêm dạ dày - ruột	399	13.1
3	Viêm phế quản	303	9.9
4	Bệnh đái tháo đường	204	6.7
5	Viêm phổi	136	4.5
6	Đột quỵ	125	4.1
7	Viêm khớp	111	3.6
8	Loét dạ dày	110	3.6
9	Bệnh lý tăng huyết áp	109	3.6
10	Hen phế quản	71	2.3

➤ **Khoa Nội TM-LK: 3,365(80.7%)**

TT	Bệnh chính lúc ra	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Viêm phổi	500	14.9
2	Nhồi máu não	464	13.8
3	Cơn đau thắt ngực	304	9.0
4	Bệnh tim do tăng huyết áp	269	8.0
5	Viêm dạ dày ruột	163	4.8
6	Bệnh đái tháo đường không phụ thuộc insuline	158	4.7
7	Bệnh lý tăng huyết áp	151	4.5
8	Suy tim	147	4.4
9	Chóng mặt nguồn gốc trung ương	134	4.0
10	Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	75	2.2

1.5. Khám ngoại trú các buồng khám:

TT	Bệnh chính	KH 2025	TH 2025	Đạt (%)
1	TTCC + PK nội KKB	20,342	18,766	92.3
2	Nội TM-LK	21,008	18,249	86.9
3	Nội TH	17,495	17,031	97.3
4	Ngoại	10,075	9,122	90.5
5	YDCT-PHCN	8,088	7,523	93
6	TMH	5,805	6,063	104.4
7	Mắt	5,488	4,482	81.7
8	Nhi	3,530	3,153	89.3
9	Sản	3,595	2,798	77.8
10	RHM	2,728	2,789	102.2
11	Da liễu	3,539	2,455	69.4
12	Dinh dưỡng	96	67	69.8
13	Khám sức khỏe	7,874	7,161	90.9
TỔNG		109,661	99,659	90.9

➤ Phòng khám Ngoại: 9,122(90.5%)

TT	Bệnh chính	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Chấn thương phần mềm	1,342	14.7
2	Gãy xương các loại	1,276	14.0
3	Biến đổi xác định khác của tuyến tiền liệt	1,003	11.0
4	Sỏi thận, niệu quản	743	8.1
5	Chấn động	471	5.2
6	Nhiễm khuẩn hệ tiết niệu, viêm bàng quang	361	4.0
7	Ung thư các loại	328	3.6
8	Biến chứng cơ học của thiết bị cố định bên trong xương các chi	320	3.5
9	Viêm dạ dày - ruột	273	3.0
10	Thoái hóa khớp	189	2.1

➤ **Phòng khám Sản: 2,798(77.8%)**

TT	Bệnh chính	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Các tình trạng xác định khác liên quan đến thai nghén	594	21.2
2	Viêm phần phụ	407	14.5
3	Chuyển dạ nhanh	341	12.2
4	Ung thư các loại	301	10.8
5	Chăm sóc bà mẹ vì tử cung có sẹo mổ trước đó	274	9.8
6	Rối loạn kinh nguyệt	148	5.3
7	Bệnh lý vú	121	4.3
8	Sảy thai, dọa sảy thai	92	3.3
9	U xơ tử cung	79	2.8
10	U nang buồng trứng	69	2.5

➤ **Phòng khám Nhi: 3,153(89.3%)**

TT	Bệnh chính	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Viêm phổi	891	28.3
2	Viêm dạ dày - ruột	863	27.4
3	Nhiễm trùng đường hô hấp trên	235	7.5
4	Viêm da	103	3.3
5	Viêm họng	98	3.1
6	Viêm cầu thận, hội chứng thận hư	90	2.9
7	SXH	70	2.2
8	Vàng da	48	1.5

➤ **Phòng khám Da liễu: 2,455(69.4%)**

TT	Bệnh chính	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Viêm da tiếp xúc kích ứng	587	23.9
2	Viêm da cơ địa	277	11.3
3	Sốt xuất huyết	240	9.8
4	Viêm gan	124	5.1
5	Lao các loại	120	4.9
6	Bệnh nấm	107	4.4
7	Bệnh Zoster	90	3.7
8	Viêm phổi	82	3.3
9	Sốt virus	71	2.9
10	Mày đay	69	2.8

➤ **Phòng khám RHM: 2,789(102.2%)**

TT	Bệnh chính	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Viêm tủy	502	18.0
2	Viêm mô tế bào và áp xe của miệng	434	15.6
3	Sâu răng	430	15.4
4	Áp xe quanh chân răng	239	8.6
5	Viêm nha chu	159	5.7
6	Răng mọc kẹt	130	4.7
7	Viêm loét miệng	102	3.7
8	Viêm hạch bạch huyết cấp ở mặt, đầu và cổ	56	2.0

➤ **Phòng khám Mắt: 4,482(81.7%)**

TT	Bệnh chính	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Viêm kết giác mạc	1,705	38.0
2	Viêm giác mạc	393	8.8
3	Đục thể thủy tinh vùng nhân ở người già	317	7.1
4	Viêm kết mạc	269	6.0
5	Bệnh khác của tuyến lệ	97	2.2
6	Mộng thịt	90	2.0
7	Rối loạn điều tiết	51	1.1
8	Chấp, lẹo	49	1.1

➤ **Phòng khám TMH: 6,063(104.4%)**

TT	Bệnh chính	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Viêm họng - thanh quản cấp	1,118	18.4
2	Viêm xoang	877	14.5
3	Viêm họng cấp	784	12.9
4	Viêm tai	675	11.1
5	Viêm amydan	281	4.6
6	U ác mũi họng	181	3.0
7	Viêm mũi	167	2.8
8	Viêm hạch	162	2.7
9	Dị vật TMH	125	2.1
10	Bướu giáp	82	1.4

➤ **Phòng khám YHCT: 7,523(93%)**

TT	Bệnh chính	Số lần	Tỷ lệ (%)
1	Đau cột sống thắt lưng	1,254	16.7
2	Tọa cột phong	867	11.5
3	Thoái hóa khớp gối	609	8.1
4	Viêm đa khớp	587	7.8
5	Đau vùng cổ gáy	541	7.2
6	Chứng tý	271	3.6
7	Yêu thông	266	3.5
8	Hội chứng cánh tay cổ	255	3.4
9	Lạc chẩm	185	2.5
10	Viêm điểm bám gân lồi cầu ngoài xương cánh tay	139	1.8

➤ **Phòng khám Nội TH: 17,031(97.3%)**

TT	Bệnh chính	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Bệnh đái tháo đường	8,262	46.1
2	Bệnh lý tuyến giáp	1,673	9.3
3	Viêm dạ dày - ruột và đại tràng	974	5.4
4	Viêm phế quản phổi	953	5.3
5	Ung thư các cơ quan	623	3.5
6	Chóng mặt nguồn gốc trung ương	567	3.2
7	Loét dạ dày	278	1.6
8	Đau cột sống thắt lưng	213	1.2
9	Viêm gan	167	0.9
10	Đột quy	107	0.6

➤ **Phòng khám Nội TM-LK: 18,249(86.9%)**

TT	Bệnh chính	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Bệnh đái tháo đường không phụ thuộc insuline	7,763	42.5
2	Bệnh đái tháo đường phụ thuộc insuline	2,036	11.2
3	Bệnh tim do tăng huyết áp	960	5.3
4	Cơn đau thắt ngực	839	4.6
5	Bệnh lý tăng huyết áp	516	2.8
6	Bệnh cơ tim do thiếu máu cục bộ	498	2.7
7	Đột quy và di chứng đột quy	462	2.5
8	Viêm phế quản phổi	433	2.4
9	Sự có mặt của dụng cụ cấy ghép tạo hình động mạch vành	410	2.2
10	Ung thư các cơ quan	212	1.2

➤ **Phòng Thường trực cấp cứu + PK nội(K.Khám bệnh): 18,766(92.3%)**

TT	Bệnh chính	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Viêm dạ dày - ruột	1,874	10.0
2	Sốt	1,580	8.4
3	Chấn động não, chấn thương sọ não	1,160	6.2
4	Tăng huyết áp	866	4.6
5	Vết thương phần mềm	828	4.4
6	Đột quy	791	4.2
7	Viêm ruột thừa	686	3.7
8	Chuyển dạ nhanh	676	3.6
9	Chấn thương phần mềm	665	3.5
10	Viêm phổi	623	3.3

1.6. Thống kê chuyển tuyến nội trú và ngoại trú của các khoa

❖ Chuyển tuyến nội trú:

TT	Khoa	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Bệnh chính
1	CC,HSTC-CĐ	821	49.0	Đột quy(459)
2	Nội TM-LK	324	19.3	Suy tim, nhồi máu cơ tim(60)
3	Ngoại TH	199	11.9	Viêm tắc đường mật(32)
4	Nội TH	136	8.1	Ung thư các cơ quan(23)
5	Nhi	99	5.9	Suy hô hấp(51)
6	Phụ sản	42	2.5	Chuyển dạ giả trước tuần thứ 37(9)
7	LCK	27	1.6	Viêm mống mắt thể mi(3)
8	Truyền nhiễm	24	1.4	Viêm phổi(6)
9	YDCT-PHCN	4	0.2	Chứng tý(4)
Tổng		1,676	100	

❖ Chuyển tuyến ngoại trú của các khoa

TT	Phòng khám	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Bệnh chính
1	Ngoại TH	1,287	24.7	Ung thư các cơ quan(311)
2	Nội TH	1,141	21.9	Ung thư các cơ quan(662)
3	Nội TM-LK	970	18.6	Ung thư các cơ quan(238)
4	Sản	366	7.0	Ung thư các cơ quan(291)
5	Mắt	321	6.2	Đục thủy tinh thể(179)
6	TT cấp cứu	301	5.8	Ung thư các cơ quan(117)
7	TMH	238	4.6	Ung thư(172)
8	Nhi	215	4.1	Hội chứng thận hư, viêm cầu thận(36)
9	Da liễu	203	3.9	Viêm gan(88)
10	YDCT-PHCN	81	1.6	Thoát vị đĩa đệm(50)
11	RHM	54	1.0	Ung thư vùng hàm mặt(36)
12	Thận nhân tạo	25	0.5	
Tổng		5,202	100	

2. Công tác khám chữa bệnh BHYT

Thực hiện nghiêm túc Luật khám bệnh, chữa bệnh; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế và các Nghị định, Thông tư và các văn bản hướng dẫn quy chế chuyên môn của ngành, như quy chế hội chẩn, quy chế thường trực, quy trình kỹ thuật, phác đồ điều trị. Tổ chức công tác khám chữa bệnh luôn được duy trì và đảm bảo thực hiện tốt, chất lượng khám chữa bệnh ngày càng nâng cao, cấp cứu kịp thời, hạn chế thấp nhất tai biến xảy ra do quá trình theo dõi, chăm sóc và điều trị. Nghiêm túc trong sử dụng cán bộ có chứng chỉ hành nghề thực hiện việc khám chữa bệnh.

Bệnh viện thường xuyên tập trung nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, cải tiến quy trình khám chữa bệnh, tổ chức tiếp đón bệnh nhân nhanh ,tận tình chu đáo, thường trực cấp cứu 24/24 luôn đảm bảo an toàn, khẩn trương kịp thời, hạn chế sai sót, tai biến chuyên môn.

Xây dựng và thực hiện tốt các kế hoạch về hoạt động Quản lý chất lượng bệnh viện, an toàn người bệnh, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, đổi mới phong cách thái độ phục vụ, hướng tới sự hài lòng của người bệnh.

3. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

Bệnh viện luôn chú trọng công tác đào tạo nhân lực chuyên sâu, đã cử các bác sĩ đi đào tạo chuyên khoa tại các trường Đại học Y lớn trên toàn quốc. Tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn, các khóa học trực tuyến của các bệnh viện tuyến trên.

Tham gia đề án khám chữa bệnh từ xa với các bệnh viện tuyến trên như Bệnh viện Trung ương Huế, Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật Nội soi tán sỏi thận qua da từ Bệnh viện Việt Đức.

Trong năm 2025, bệnh viện đã cử viên chức đào tạo: 07 BSCKI; 06 Đại học điều dưỡng; 04 Trung cấp lý luận chính trị; 188 lượt đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ ngắn hạn khác.

4. Công tác nghiên cứu khoa học

Năm 2025 Bệnh viện rất chú trọng hoạt động nghiên cứu khoa học, đến nay đã đạt được nhiều thành tích đáng kể như: Có 17 đề tài nghiên cứu khoa học được nghiệm thu.

Bệnh viện đã tổ chức thành Hội thảo khoa học Loét dạ dày tá tràng và các phác đồ diệt trừ Helicobacter Pylori, tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật Nội soi tán sỏi thận qua da từ Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức và các chương trình tập huấn do

Sở Y tế tổ chức, bên cạnh đó duy trì sinh hoạt thường xuyên câu lạc bộ Đái tháo đường và câu lạc bộ Tăng huyết áp. Phát huy hiệu quả các kỹ thuật ngang tuyến và vượt tuyến, đẩy mạnh công tác chăm sóc sức khỏe toàn diện, đáp ứng sự hài lòng của người bệnh, người nhà người bệnh.

5. Công tác cung ứng thuốc, vật tư, hóa chất; quản lý sử dụng máy móc thiết bị y tế.

Công tác cung ứng thuốc, vật tư, hoá chất:

Bệnh viện đảm bảo thực hiện đúng tiến độ thực hiện các gói thầu thuốc, vật tư, hóa chất đã được phê duyệt. Thực trạng thuốc, vật tư có sẵn trong kho đơn vị trong năm cơ bản đầy đủ. Tuy nhiên, tình hình chung việc cung ứng của các nhà thầu đôi khi bị chậm, hoặc cung ứng nhỏ giọt do nguồn cung nguyên liệu, hàng hóa khan hiếm, giá cả biến động.

Thường xuyên cập nhật, theo dõi, thực hiện đúng các quy chế chuyên môn về dược, giám sát chặt chẽ trong việc kiểm nhập thuốc, theo dõi xuất nhập tồn thuốc, vật tư, hóa chất, công tác quản lý thuốc gây nghiện, hướng thần, đảm bảo chất lượng thuốc và số lượng thuốc sử dụng cho người bệnh.

Thực hiện tốt Thông tư 26/2025/TT-BYT ngày 30/06/2025 quy định về đơn thuốc và việc kê đơn thuốc hóa dược, sinh phẩm trong điều trị ngoại trú. Thực hiện báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR) theo đúng quy định.

Quản lý theo dõi việc thực hiện các quy định chuyên môn về dược tại các khoa lâm sàng: theo dõi, quản lý việc sử dụng thuốc trong tủ trực tại các khoa.

Công tác quản lý sử dụng máy móc TBYT:

Xây dựng kế hoạch, quy trình mua sắm, quản lý, lập kế hoạch bảo dưỡng và sửa chữa, kiểm định hiệu chuẩn trang thiết bị y tế.

Công tác kiểm tra sử dụng và bảo quản thiết bị theo chế độ quy định Lập hồ sơ, lý lịch cho tất cả các loại máy, xây dựng quy trình vận hành và hàng năm kiểm kê và kiểm tra thiết bị y tế cho riêng từng khoa.

Tiến hành sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị y tế của các Khoa, Phòng. Quản lý tài sản thiết bị y tế trong toàn Bệnh viện không bị thất thoát.

Đảm bảo mua sắm vật tư y tế, cấp phát đầy đủ các mặt hàng theo yêu cầu của các khoa phòng .

Hoàn thành tốt việc đấu thầu mua sắm thiết bị y tế hàng năm theo kinh phí mà cấp trên phê duyệt đảm bảo đúng tiến độ, đúng luật cũng như chất lượng hàng

hoá mua về. Cung ứng kịp thời những yêu cầu cần thiết về thiết bị y tế phục vụ cho công tác khám chữa bệnh.

6. Công tác điều dưỡng, chăm sóc người bệnh toàn diện, kiểm soát nhiễm khuẩn

6.1. Công tác điều dưỡng, chăm sóc người bệnh toàn diện

Phát huy vai trò của Hội đồng điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh toàn diện. Tăng cường đào tạo, tập huấn để nâng cao nhận thức, trình độ cho điều dưỡng về chăm sóc người bệnh toàn diện và nghiệp vụ chuyên môn.

Công tác điều dưỡng và chăm sóc người bệnh đã xây dựng được kế hoạch, quy trình chăm sóc của toàn viện và ở các khoa phù hợp với đặc thù công việc của từng khoa.

Triển khai xây dựng và phổ biến bảng mô tả công việc và mô tả công việc phù hợp theo từng khoa, nhằm tăng cường hiệu quả công tác chăm sóc người bệnh.

Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế, thực hiện tốt Quy tắc ứng xử của cán bộ, viên chức, người lao động làm việc tại bệnh viện, xây dựng Bệnh viện “xanh – sạch – đẹp” hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Tại các khoa phòng đã được bố trí các chậu cây xanh gọn gàng, phù hợp nhằm tạo cảnh quan sạch đẹp, thân thiện.

Từng bước áp dụng phương pháp 5S để cải tiến chất lượng trên phạm vi toàn bệnh viện.

6.2. Kiểm soát nhiễm khuẩn và xử lý chất thải

Thực hiện tốt kế hoạch kiểm tra giám sát năm 2025 đề ra, có báo cáo hàng quý về công tác kiểm tra giám sát cho chủ tịch hội đồng kiểm soát nhiễm khuẩn, xây dựng và chỉnh sửa lại quy trình kiểm tra giám sát và một số bảng kiểm phục vụ công tác kiểm tra giám sát thường xuyên.

Thực hiện đầy đủ, đúng quy định công tác khử khuẩn tiệt khuẩn, thường xuyên khử khuẩn môi trường bề mặt đảm bảo công tác khử khuẩn, tiệt khuẩn.

Cung ứng đầy đủ, kịp thời và đảm bảo vô khuẩn cho các hoạt động đòi hỏi vô khuẩn (như: phẫu thuật, thủ thuật, thay băng, cắt chỉ...)

Đảm bảo phân loại rác đúng quy định tại các khoa, công tác thu gom theo mô hình cụm cũng đã và đang thực hiện tốt, các hợp đồng xử lý rác với các phòng khám tư nhân trên địa bàn thị được theo dõi, quản lý và thực hiện thường xuyên,

các báo cáo về quản lý chất thải được báo cáo kịp thời cho các bộ phận, các cấp đúng thời gian quy định.

Quản lý tốt vệ sinh môi trường bệnh viện, công tác xử lý chất thải y tế theo đúng quy định, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quy trình phân loại, thu gom rác thải sinh hoạt, y tế của các khoa phòng và công tác xử lý tập trung. Thực hiện phân loại chất thải y tế, có trang bị túi, thùng để gom chất thải y tế, thực hiện xử lý chất thải rắn y tế theo quy định.

7. Công tác quản lý chất lượng bệnh viện

Ngay từ đầu năm, bệnh viện đã kiện toàn Hội đồng Quản lý chất lượng bệnh viện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên và duy trì hoạt động của Phòng Quản lý chất lượng và Công tác xã hội cùng mạng lưới quản lý chất lượng tại các khoa, phòng. Kế hoạch cải tiến chất lượng bệnh viện năm 2025 được xây dựng và triển khai sớm, làm cơ sở để các khoa, phòng xây dựng các đề án cải tiến phù hợp với điều kiện thực tiễn. Bệnh viện duy trì hoạt động tự kiểm tra, đánh giá chất lượng định kỳ 6 tháng và cả năm theo Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam 2.0. Kết quả tự đánh giá năm 2025 đạt điểm trung bình chung 3,66/5 điểm, với 96% tiêu chí được áp dụng; trong đó nhiều tiêu chí thuộc nhóm hướng đến người bệnh, quản lý hồ sơ bệnh án, quản lý dược và kiểm soát nhiễm khuẩn đạt mức khá và tốt. Các hoạt động cải tiến quy trình tiếp đón, phân luồng người bệnh, ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai bệnh án điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt đã góp phần nâng cao sự hài lòng của người bệnh và tính minh bạch trong hoạt động khám chữa bệnh.

Hệ thống báo cáo sự cố y khoa tiếp tục được vận hành và duy trì, phục vụ công tác nhận diện nguy cơ, phòng ngừa rủi ro và cải tiến an toàn người bệnh. Công tác kiểm soát nhiễm khuẩn, quản lý chất thải, quản lý dược, vật tư trang thiết bị được triển khai đồng bộ, góp phần bảo đảm chất lượng và an toàn trong chăm sóc, điều trị. Bên cạnh đó, công tác xã hội trong bệnh viện từng bước được lồng ghép trong các hoạt động tư vấn, hỗ trợ người bệnh, truyền thông, giáo dục sức khỏe và cải thiện môi trường khám chữa bệnh theo hướng thân thiện, lấy người bệnh làm trung tâm.

8. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong khám chữa bệnh

Năm 2025 là năm đánh dấu bước chuyển mình trong chuyển đổi số của ngành y tế với trọng tâm là triển khai Bệnh án điện tử. Trên cơ sở đó, bệnh viện đã huy động tối đa nguồn lực sẵn có, triển khai thành công và chính thức công bố Bệnh án

điện tử theo đúng lộ trình đề ra. Bệnh viện cũng đã ban hành các quy định, quy chế trong việc vận hành và sử dụng Bệnh án điện tử theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

Thực hiện ứng dụng lấy số tự động, lấy số thứ tự khám bằng Căn cước công dân, dấu vân tay, VSSID, phân công cán bộ hướng dẫn, tiếp đón người bệnh nhằm giảm thời gian khám chữa bệnh, giảm tình trạng quá tải và nâng cao mức độ hài lòng người bệnh; duy trì thực hiện đầy đủ liệu khám chữa bệnh hằng ngày được đẩy lên cổng thông tin BHXH kịp thời, nhằm phục vụ cho công tác quản lý khám chữa bệnh và thanh toán BHYT được nhanh chóng và chính xác, tỷ lệ đầy đủ liệu hàng ngày >98%. Phối hợp với các cấp chính quyền đẩy mạnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VneID. Triển khai trả kết quả xét nghiệm qua nền tảng ứng dụng Zalo.

Thực hiện nghiêm túc việc liên thông dữ liệu sức khỏe lái xe, giấy chứng sinh để phục vụ nhóm dịch vụ công trực tuyến “đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ BHYT cho trẻ dưới 6 tuổi” theo quy định.

Ứng dụng chuyển đổi số trong các lĩnh vực khám bệnh chữa bệnh, quản lý bệnh viện. Đã áp dụng hóa đơn điện tử thể hiện công khai dịch vụ, thuốc, vật tư. Ứng dụng CNTT trong các dịch vụ như: Thẻ điện tử và máy tính giá tiền trông giữ xe máy tại nhà xe bệnh viện.

Đẩy mạnh việc thanh toán không dùng tiền mặt, tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt năm 2025 đạt trên 80%.

III. HẠN CHẾ VÀ TỒN TẠI

- Kết quả thực hiện chỉ tiêu chuyên môn đạt thấp so với kế hoạch.
- Chất lượng khám, chữa bệnh tại một số khoa chưa đáp ứng được so với yêu cầu. Một số cán bộ chưa chủ động trong việc nâng cao kiến thức chuyên môn, còn thực hiện chưa tốt về tinh thần thái độ phục vụ, hướng tới sự hài lòng của người bệnh.
- Chưa có các bác sĩ chuyên khoa sâu về Truyền nhiễm, Lao, tâm thần, lão khoa, xét nghiệm, giải phẫu bệnh.
- Kỹ thuật chuyên môn theo Thông tư 23/2024/TT-BYT còn đạt thấp.
- Các lĩnh vực phát triển chuyên sâu chưa thực sự được cán bộ, lãnh đạo một số khoa quan tâm. Một số kỹ thuật được phê duyệt thí điểm chưa được triển khai, hoặc đã triển khai nhưng chưa thường xuyên. Một số kỹ thuật đã được phê duyệt chính thức nhưng gặp khó khăn về cơ sở vật chất, vật tư nên chưa thể tiếp tục triển khai.

- Còn sai sót trong quá trình làm bệnh án, sai sót dẫn đến Bảo hiểm y tế xuất toán.

- Một số khối nhà đã cũ, thường xuyên xảy ra hiện tượng thấm dột, ẩm mốc, nhà vệ sinh tại các bệnh phòng còn mùi hôi, chưa đảm bảo thường xuyên sạch sẽ. Trang thiết bị cũ thường xuyên hư hỏng ảnh hưởng đến hoạt động khám chữa bệnh.

- Tình trạng quá tải cục bộ tại một số khoa lâm sàng vẫn tiếp tục tiếp diễn ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc sức khỏe và sự hài lòng của người bệnh. Vẫn còn xảy ra tình trạng ùn tắc tại khoa khám bệnh khi người bệnh đến khám đông, thời gian chờ đợi khám bệnh, chữa bệnh của người bệnh còn kéo dài.

- Tình trạng thiếu thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế vẫn còn diễn ra do gặp khó khăn trong công tác đấu thầu, dẫn đến tình trạng không đủ đáp ứng cho hoạt động khám chữa bệnh và quyền lợi của người bệnh BHYT. Một số gói thầu mua sắm máy móc, trang thiết bị chưa hoàn thành theo đúng kế hoạch. Chưa bố trí được nguồn kinh phí để triển khai công tác bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị kỹ thuật cao và công nghệ thông tin trong y tế. Nguồn kinh phí đầu tư máy móc, trang thiết bị, dụng cụ... tiếp tục gặp khó khăn trong khi nhu cầu đầu tư rất lớn đặc biệt là hạ tầng CNTT để phục vụ triển khai và hoàn thiện Bệnh án điện tử.

- Hoạt động kiểm soát nhiễm khuẩn chỉ được thực hiện tốt ngay tại thời điểm kiểm tra, nhưng không được duy trì và kéo dài thường xuyên. Công tác giám sát kiểm soát nhiễm khuẩn chưa thật sự nhận được sự hưởng ứng tích cực từ các cán bộ, nhân viên y tế, dẫn đến hiệu quả giám sát chưa đạt kỳ vọng. Chưa có cơ chế khen thưởng hoặc kỷ luật đối với các cá nhân, tập thể về tuân thủ quy định kiểm soát nhiễm khuẩn. Điều này làm giảm động lực và trách nhiệm trong việc duy trì tuân thủ các biện pháp kiểm soát.

- Sự gia tăng về số lượng các cơ sở y tế tư nhân thu hút một số lượng không nhỏ bệnh nhân, một số Y bác sĩ có kinh nghiệm nghỉ hưu và chuyển công tác gây thiếu hụt nhân lực có trình độ đã được đào tạo khá bài bản.

- Bệnh viện là đơn vị tự chủ hoàn toàn chi thường xuyên từ năm 2020 nên còn gặp nhiều khó khăn trong việc chi trả lương, thu nhập tăng thêm cho cán bộ, viên chức, người lao động.

- Nhiều thay đổi trong chính sách và quy định về BHYT gây khó khăn trong việc thu dung và điều trị bệnh nhân. Chính điều này làm cho Bệnh viện khó khăn trong việc thích nghi, điều tiết và dẫn đến tâm lý sợ làm sai, sợ xuất toán.

B. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG BỆNH VIỆN NĂM 2026

I. Mục tiêu chung

- Tiếp tục xây dựng Bệnh viện ĐKKV Bắc Quảng Trị phát triển bền vững, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch cấp trên giao.
- Nâng cao chất lượng bệnh viện, hướng tới sự hài lòng của người bệnh, phấn đấu năm 2026 bệnh viện đạt trên mức 3.7/5 theo bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện.
- Tiếp tục thực hiện mô hình tự chủ, đảm bảo lương, phụ cấp cho viên chức, người lao động trong bệnh viện. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, liên kết cung cấp dịch vụ trong khám bệnh, chữa bệnh.
- Tiếp nhận và đưa vào hoạt động có hiệu quả cơ sở 2 với quy mô 200 giường bệnh.

II. Mục tiêu cụ thể

1. Mục tiêu thực hiện chuyên môn

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp đã có hiệu quả để cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ và đáp ứng nhu cầu khám và điều trị bệnh ngày càng đa dạng của nhân dân trên địa bàn; đặc biệt lưu ý đến việc quản lý chặt chẽ phác đồ điều trị và quy trình chuyên môn. Chấn chỉnh và đẩy mạnh công tác khám chữa bệnh cho các đối tượng bảo hiểm y tế theo lộ trình bảo hiểm xã hội toàn dân. Thực hiện nghiêm túc Luật khám bệnh, chữa bệnh Số 15/2023/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Bảo hiểm y tế số 51/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn, thường xuyên cập nhật, triển khai kịp thời các văn bản chuyên môn mới ban hành.
- Nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, tiếp tục cải cách quy trình tiếp đón, hướng dẫn, chăm sóc, tư vấn, giải thích cho người bệnh, giảm thời gian đợi, nâng cao sự hài lòng của người bệnh.
- Nâng cao chất lượng khám bệnh chữa bệnh, khám kỹ bệnh nhân ngay lúc vào, chỉ định cận lâm sàng hợp lý, hiệu quả. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế chuyên môn, đặc biệt quy chế thường trực cấp cứu, hội chẩn, khám bệnh và kê đơn.
- Phấn đấu giảm tỷ lệ tử vong, không để sai sót chuyên môn do thiếu tinh thần trách nhiệm, khuyến khích tự giác báo cáo các sự cố, sai sót y khoa để rút kinh nghiệm kịp thời. Kiểm tra việc thực hiện chế độ hồ sơ bệnh án theo Quy định.

- Phát huy hiệu quả hoạt động của các hội đồng: Quản lý chất lượng, Hội đồng Khoa học kỹ thuật - Công nghệ, Hội đồng Thuốc và điều trị, Hội đồng Kiểm soát nhiễm khuẩn, Hội đồng điều dưỡng và hội đồng Chuyên môn trong việc triển khai và giám sát các hoạt động khám chữa bệnh.

- Tổ chức quản lý, theo dõi các bệnh không lây nhiễm, chú trọng quản lý người bệnh đái tháo đường, tăng huyết áp, dự phòng đột quỵ.

- Duy trì và phát huy các kỹ thuật đang thực hiện, kỹ thuật chuyên sâu. Mỗi khoa triển khai được ít nhất 01 kỹ thuật mới lần đầu áp dụng tại bệnh viện. Tập trung triển khai tốt, có hiệu quả kỹ thuật Tiêu sợi huyết; Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình; Phẫu thuật nội soi tiết niệu; Phẫu thuật nội soi Tai mũi họng.

- Phát huy tốt vai trò điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe người bệnh theo Thông tư 31/2021/TT-BYT về Quy định hoạt động điều dưỡng trong bệnh viện.

- Thực hiện tốt 12 điều y đức, 10 điều dược đức và các quy trình, quy định của bệnh viện.

2. Chỉ tiêu điều trị

* Kế hoạch chuyên môn 2026

Khoa	KHGB	Trong đó		Ngày ĐTTB	KHBN Nội trú	Ngày điều trị	BN ngoại trú
		GB cấp cứu	GB ICU				
Ngoại TH	85			6	5,171	31,025	400
Phụ sản	50			5.5	3,318	18,250	400
CC, HSTC-CD	35	30	5	5.5	2,323	12,775	800
Nhi	65	10		6	3,954	23,725	100
Truyền nhiễm	30			6	1,825	10,950	500
LCK	50			6	3,042	18,250	400
YDCT-PHCN	85			10	3,103	31,025	600
Nội TH	70			7	3,650	25,550	600
Nội TM-LK	80	5		7	4,171	29,200	600
Khám bệnh	11*					3,300*	650
Tổng	550	45	5		30,557	200,750	5,050

Ghi chú: () giường bệnh và ngày điều trị theo yêu cầu.*

*** Kế hoạch khám bệnh**

TT	Phòng khám	Khám bệnh	Khám sức khỏe	Tổng lượt khám 2026
1	Nội tổng hợp (02 bàn khám)	18,734	4000	22,734
2	Nội TN-LK (02 bàn khám)	23,600	4000	27,600
3	TTCC + PK nội (KKB)	20,643	4000	24,643
4	Ngoại	10,034	8000	18,034
5	Nhi	3,468		3,468
6	Sản	3,595	4000	7,595
7	Da liễu	3,539	8000	11,539
8	YHCT- PHCN	8,275		8,275
9	Mắt	5,488	8000	13,488
10	TMH	6,669	8000	14,669
11	RHM	3,068	8000	11,068
12	Dinh dưỡng	96		96
Tổng cộng		107,209	56,000	163,209

***Kế hoạch phẫu thuật**

Khoa	Kế hoạch năm 2026	
	Phẫu thuật	Trong đó: Phẫu thuật kế hoạch
Ngoại tổng hợp	1,697	1,316
Phụ sản	976	543
Liên chuyên khoa	1,722	1,695
Tổng	4,395	3,554

*** Kế hoạch thủ thuật**

TT	Khoa	Kế hoạch năm 2026
1	YDCT - PHCN	77,788
2	Ngoại tổng hợp	2,503
3	CC, HSTC-CĐ	14,246
4	Liên chuyên khoa	2,660
5	Phụ sản	8,175
6	Nhi	6,994
7	Nội Tim mạch – Lão khoa	4,496
8	Nội tổng hợp	1,717
9	Truyền Nhiễm	132
Tổng		118,710

*** Kế hoạch khoa chẩn đoán hình ảnh**

TT	Chẩn đoán hình ảnh	Kế hoạch năm 2026
1	Xquang	48,108
2	Siêu âm	47,628
3	Điện tim	23,663
4	Chụp CT Scanner	9,281
5	Đo độ loãng xương	182
6	Đo chức năng hô hấp	67
Tổng		128,929

*** Kế hoạch nội soi**

TT	Nội soi	Kế hoạch 2026	
1	Nội soi TMH	5,258	
2	Nội soi tiêu hóa		
	Trong đó	NS dạ dày	949
		NS đại tràng	200
		NS can thiệp	100
Tổng		7,907	

* Kế hoạch xét nghiệm

Kỹ thuật xét nghiệm		KH năm 2026
Trong đó	Huyết học	83,828
	Đông máu	16,298
	Hoá sinh	316,520
	Miễn dịch, test nhanh	60,447
	Nước tiểu, tế bào	30,545
	Vi sinh	695
Tổng số		508,332
Truyền máu		100,000

3. Mục tiêu về nâng cao chất lượng bệnh viện

Trong năm 2026, bệnh viện xác định tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý chất lượng và công tác xã hội theo hướng bền vững, lấy người bệnh làm trung tâm. Trọng tâm là duy trì và hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng bệnh viện; nâng cao chất lượng tự đánh giá theo Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam, phấn đấu tăng điểm trung bình chung và giảm số tiêu chí ở mức thấp.

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các đề án cải tiến chất lượng tại khoa, phòng; tăng cường theo dõi, đo lường hiệu quả sau cải tiến và gắn kết quả cải tiến với đánh giá thi đua, khen thưởng. Hệ thống báo cáo sự cố y khoa được củng cố theo hướng khuyến khích báo cáo tự nguyện, tăng cường phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp phòng ngừa, góp phần nâng cao an toàn người bệnh.

Chú trọng nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác quản lý chất lượng và công tác xã hội thông qua đào tạo, tập huấn chuyên sâu; từng bước hoàn thiện các hoạt động công tác xã hội như tư vấn, hỗ trợ người bệnh, truyền thông giáo dục sức khỏe và kết nối nguồn lực hỗ trợ. Mục tiêu chung là không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh, sự hài lòng của người bệnh và uy tín của bệnh viện trong giai đoạn tiếp theo.

Phấn đấu năm 2026 bệnh viện đạt trên mức 3.7/5 theo bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện Việt Nam.

4. Mục tiêu về tổ chức, bộ máy khoa phòng, công tác đào tạo

- Rà soát nhân lực ở các bộ phận khoa, phòng đảm bảo trình độ, tiêu chuẩn năng lực để bố trí sắp xếp theo vị trí việc làm.

- Xây dựng Đề án vị trí việc làm năm 2026, tham mưu công tác nhân sự để xây dựng phương án tiếp nhận và vận hành cơ sở 2 với quy mô 200 giường bệnh.

- Phân đầu thành lập khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình - Bông; khoa Cấp cứu tim mạch; khoa Phục hồi chức năng; khoa Tai mũi họng.

- Tổ chức đào tạo tại chỗ, đào tạo liên tục để thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn, tập trung đào tạo kỹ năng mềm về quy tắc ứng xử, giao tiếp, tác phong làm việc cho cán bộ, viên chức, người lao động.

- Tăng cường công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khoa học kỹ thuật, ưu tiên đào tạo triển khai kỹ thuật mới, chuyên sâu; đào tạo sau đại học một số chuyên khoa còn thiếu như: PHCN, Lao, Tâm thần kinh, Xét nghiệm, Giải phẫu bệnh.

- Xây dựng, lấy ý kiến và ban hành Bộ chỉ số đánh giá hiệu quả công việc KPI cho từng khoa, phòng.

5. Mục tiêu về cơ sở vật chất và trang thiết bị

5.1. Cơ sở vật chất

- Sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí để sửa chữa duy tu nhà cửa, hệ thống hạ tầng cơ sở trong bệnh viện, điện, nước, sân vườn... trong bệnh viện.

- Tham mưu xây dựng phương án tiếp nhận và vận hành cơ sở 2 với quy mô 200 giường bệnh.

5.2. Thiết bị y tế

- Cung ứng kịp thời trang thiết bị và vật tư tiêu hao theo yêu cầu chuyên môn. Ưu tiên mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho phát triển kỹ thuật mới, kỹ thuật cấp cứu, hồi sức tích cực, tim mạch, tai mũi họng, hồi sức nhi, nhi sơ sinh.

- Lập kế hoạch mua sắm theo quy định; nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng các trang thiết bị; tăng cường công tác bảo dưỡng; sửa chữa nhằm dự báo phát hiện sớm các vật tư, linh kiện cần thay thế đảm bảo các thiết bị, máy móc hoạt động tốt, chất lượng, an toàn và hiệu quả.

6. Mục tiêu công tác dược

- Nâng cao hiệu quả sử dụng thuốc an toàn, hợp lý. Đẩy mạnh công tác kiểm soát việc sử dụng thuốc ở các khoa; chủ động kiểm soát phát hiện những phản ứng gây hại của thuốc đối với người bệnh để kịp thời khắc phục.

- Đảm bảo công tác dược chính, cung ứng thuốc - vật tư y tế - hóa chất xét nghiệm kịp thời đảm bảo cho công tác điều trị và xét nghiệm cận lâm sàng, thực hiện nghiêm túc việc đưa thuốc đến tay người bệnh.

- Thực hiện đúng quy trình, sử dụng thuốc, cấp phát thuốc, tránh nhầm lẫn.

- Quản lý chặt chẽ thuốc gây nghiện, hướng thần và tiền chất dùng làm thuốc.

- Đảm bảo công bằng trong tiếp cận, cung ứng thuốc.

- Duy trì kho thuốc GSP.

- Đẩy mạnh hoạt động đơn vị Dược lâm sàng, quản lý sử dụng kháng sinh và thông tin thuốc.

- Theo dõi ADR và báo cáo theo quy định.

7. Mục tiêu về Y học cổ truyền và phục hồi chức năng

- Tiếp tục thực hiện điều trị Nội trú ban ngày, tăng cường thu dung người bệnh, nâng cao chất lượng điều trị bằng YHCT.

- Tăng cường sử dụng phương pháp chữa bệnh không dùng thuốc như siêu âm điều trị, điện phân trị liệu, cấy chỉ trị liệu... hạn chế sử dụng thuốc tân dược trong điều trị bằng YHCT và PHCN. Triển khai thêm các kỹ thuật PHCN, phát huy tối đa các trang thiết bị phục hồi chức năng trong khám chữa bệnh.

8. Mục tiêu về công tác điều dưỡng, chăm sóc người bệnh toàn diện

- Phát huy vai trò của Hội đồng điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh toàn diện. Tăng cường đào tạo, tập huấn để nâng cao nhận thức, trình độ cho điều dưỡng về chăm sóc người bệnh toàn diện và nghiệp vụ chuyên môn.

- Công tác điều dưỡng và chăm sóc người bệnh đã xây dựng được kế hoạch, quy trình chăm sóc của toàn viện và ở các khoa phù hợp với đặc thù công việc của từng khoa.

- Triển khai xây dựng và phổ biến bảng mô tả công việc và mô tả công việc phù hợp theo từng khoa, nhằm tăng cường hiệu quả công tác chăm sóc người bệnh.

- Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế, thực hiện tốt Quy tắc ứng xử của cán bộ, viên chức, người lao động làm việc tại bệnh viện, xây dựng Bệnh viện “xanh – sạch – đẹp” hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Tại các khoa phòng đã được bố trí các chậu cây xanh gọn gàng, phù hợp nhằm tạo cảnh quan sạch đẹp, thân thiện.

- Từng bước áp dụng phương pháp 5S để cải tiến chất lượng trên phạm vi toàn bệnh viện.

9. Mục tiêu về nghiên cứu khoa học, phát triển khoa học kỹ thuật

- Thực hiện các đề tài/đề cương có giá trị thực tiễn, áp dụng được vào thực tế, báo cáo cập nhật nhiều chuyên đề khác. Thực hiện một số sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

- Mỗi khoa triển khai được ít nhất 01 kỹ thuật áp dụng mới tại bệnh viện.

10. Mục tiêu công nghệ thông tin

- Thực hiện các giải pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào hoạt động quản lý, khám chữa bệnh. Quản lý tốt cơ sở dữ liệu và triển khai ứng dụng các phần mềm về chuyên môn nghiệp vụ, báo cáo thống kê, giá dịch vụ kỹ thuật... Bảo đảm duy trì tốt hệ thống mạng nội bộ bệnh viện, từng bước hoàn thiện Bệnh án điện tử và kê đơn thuốc điện tử, tiến tới bỏ hoàn toàn bệnh án giấy.

- Phát triển Mini App “Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Quảng Trị” trên nền tảng ứng dụng Zalo với các tính năng nổi bật: Đặt lịch khám 24/7; nhắc hẹn tự

động; Check-in nhanh bằng Quét mã QR tại Kiosk để lấy số thứ tự; Sử dụng bản đồ số để đi đến đúng phòng khám, khu vực cận lâm sàng; xem số thứ tự đang khám ngay trên điện thoại và nhận thông báo khi sắp đến lượt; nhận kết quả cận lâm sàng và đơn thuốc điện tử ngay trên Zalo; tạm ứng, thanh toán chi phí qua ZaloPay hoặc QR code; nhắc nhở uống thuốc và nhắc hẹn tái khám...

11. Mục tiêu công tác phòng chống dịch bệnh, thiên tai thảm họa PCCC, ANQP

- Kiện toàn Ban chỉ huy PCTT-TKCN, Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh, có kế hoạch sẵn sàng chủ động phòng chống thiên tai, dịch bệnh, cứu nạn.

- Nghiêm túc thực hiện luật phòng chống bệnh truyền nhiễm và các văn bản chỉ đạo về công tác phòng chống bệnh truyền.

- Phối hợp với Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, các trạm y tế trên địa bàn thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh, ngăn chặn kịp thời các ổ dịch, đảm bảo trên địa bàn không có dịch lớn xảy ra.

- Tham gia đầy đủ các đợt huấn luyện dân quân tự vệ đầy đủ, có hiệu quả.

12. Mục tiêu về công tác kiểm soát nhiễm khuẩn

- Thực hiện việc quản lý, xử lý chất thải y tế theo đúng quy định tại Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế Quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

- Thực hiện Thông tư 16/2018/TT-BYT ngày 20 tháng 7 năm 2018 quy định về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Thực hiện giám sát kiểm soát nhiễm khuẩn toàn bệnh viện hàng tháng/quý có báo cụ thể nêu rõ khó khăn vướng mắc và đề xuất giải pháp khắc phục, tuân thủ quy trình kiểm tra giám sát.

13. Các hoạt động khác

- Tổ chức thực hiện các ngày lễ an toàn và tiết kiệm đúng quy định.

- Duy trì các hoạt động của các đoàn thể, tham gia các phong trào được cấp trên phát động. Phát huy phong trào tổ chức chính trị, xã hội, hội nghề nghiệp.

- Tham gia hội thi, hội thao chào mừng các ngày lễ lớn trong năm. Tổ chức hội thi điều dưỡng giỏi, mở các lớp tập huấn về quy tắc ứng xử, kiểm soát nhiễm khuẩn, quy trình điều dưỡng.

- Đẩy mạnh hoạt động công đoàn, đoàn thanh niên, hội điều dưỡng, hội y học, dược học.

- Đẩy mạnh hoạt động phòng công tác xã hội trong việc trực tiếp giúp đỡ người bệnh tại khoa khám bệnh (giải thích, tư vấn hướng dẫn), hỗ trợ người bệnh tại các khoa lâm sàng; Tăng cường các hoạt động truyền thông, phối hợp, tổ chức các hoạt động từ thiện.

III. Giải pháp

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, phát huy sức mạnh của các tổ chức đoàn thể, tạo khối đoàn kết thống nhất để hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị. Kiện toàn các khoa phòng chức năng và hội đồng chuyên.

- Xây dựng phương án tiếp nhận và vận hành cơ sở 2 với quy mô 200 giường bệnh trình Sở Y tế và UBND tỉnh.

- Ban hành Bộ chỉ số đánh giá hiệu quả công việc KPI cho từng khoa, phòng.

- Các khoa phòng căn cứ chỉ tiêu chuyên môn được giao, xây dựng các giải pháp cụ thể phù hợp với chức năng, nhiệm vụ để hoàn thành các chỉ tiêu. Trong đó chú trọng nâng cao năng lực chuyên môn, phát triển kỹ thuật. Giao chỉ tiêu cụ thể cho từng cá nhân để đánh giá đúng hiệu quả công việc dựa theo Bộ chỉ số đánh giá hiệu quả công việc KPI.

- Đẩy mạnh hoạt động cải tiến chất lượng bệnh viện theo bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức lãnh đạo các khoa/phòng cơ bản đáp ứng theo quy định về tiêu chuẩn chức danh, trang bị, bổ sung cập nhật những kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng quản lý điều hành tạo điều kiện cho cán bộ, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Khuyến khích cán bộ, viên chức học tập nâng cao trình độ. Cử cán bộ đi đào tạo các chuyên khoa mũi nhọn, tăng cường hợp tác, chuyên giao kỹ thuật.

- Xây dựng và đề xuất các chính sách để tuyển chọn, đào tạo, sử dụng và đãi ngộ cán bộ có trình độ cao tại bệnh viện. Đặc biệt quan tâm tạo điều kiện về môi trường làm việc để thu hút nhân lực có trình độ, để họ gắn bó lâu dài và tích cực cống hiến có hiệu quả cho Bệnh viện.

- Xây dựng kế hoạch mời các chuyên gia y tế thuộc nhiều lĩnh vực về tư vấn, khám chữa bệnh tại bệnh viện.

- Cải tiến, đổi mới lề lối làm việc, đổi mới tư duy của cán bộ, viên chức, người lao động. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính, giảm phiền hà cho người bệnh nhất là trên các lĩnh vực, những khâu dễ xảy ra tham nhũng, sách nhiễu. Thay đổi thái độ phục vụ hướng tới sự hài lòng của người bệnh.

- Khai thác có hiệu quả các thiết bị đã đầu tư, tiếp tục bổ sung máy móc thiết yếu phục vụ chuyên môn từ nguồn kinh phí nhà nước và vay kích cầu, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp... Đẩy mạnh việc thực hiện xã hội hoá y tế, thu hút sự đầu tư, mở rộng liên doanh, liên kết để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, nâng cấp trang thiết bị y tế.

- Thường xuyên cập nhật, kịp thời triển khai và thực hiện đúng các văn bản quy phạm pháp luật ban hành. Rà soát, xây dựng các văn bản, quy trình kỹ thuật, quy chế chuyên môn phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản đơn vị ban hành, các quy trình kỹ thuật, quy chế chuyên môn và xử lý nghiêm khi phát hiện các vi phạm.

- Thực hiện các giải pháp nhằm tận dụng các nguồn thu, tiết kiệm chi. Ưu tiên kinh phí trong việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác điều trị. Bên cạnh đó, thực hiện các giải pháp đảm bảo tiền lương, chế độ chính sách và thu nhập tăng thêm cho cán bộ viên chức người lao động.

- Tiếp tục triển khai mở rộng Đề án khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu. Liên doanh, liên kết trong thực hiện các dịch vụ y tế.

- Phát huy tốt vai trò của công tác truyền thông và việc hỗ trợ, giúp đỡ người bệnh.

- Xây dựng bệnh viện xanh, sạch, đẹp, giảm thiểu rác thải nhựa, thân thiện với môi trường.

- Nghiêm túc việc triển khai mô hình 5S trong toàn bệnh viện.

IV. Tổ chức thực hiện

- Ban giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá hoạt động của các khoa phòng trong việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch đề ra.

- Các khoa, phòng chức năng căn cứ các chỉ tiêu trên để xây dựng kế hoạch thực hiện đảm bảo khả thi, phù hợp.

- Các hội đồng trong bệnh viện thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ theo quy định.

- Các tổ chức chính trị, xã hội, hội nghề nghiệp cùng phối hợp hành động để thực hiện mục tiêu đề ra./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Các khoa, phòng;
- Lưu: VT, KHTH.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Viết Thái